TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 726/2019/HC-PT Ngày: 14 - 10 - 2019 V/v: "Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các thẩm phán: Ông Phan Thanh Tùng

Ông Trần Văn Mười

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Nguyễn Kim Đoạn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2019/TLPT-HC ngày 07 tháng 3 năm 2019 về việc "Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai".

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 25/2018/HC-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1527/2019/QĐ - PT ngày 22 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*:

1/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1961

2/ Ông Bồ Minh T, sinh năm: 1981

3/ Bà Bồ Kim T1, sinh năm: 1982

4/ Ông Bồ Đức T2, sinh năm: 1990

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của những người khởi kiện: Bà Lê Thị D, sinh năm: 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Số 9D đường T, Khu phố X5, Phường X3, thành phố T, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 09 tháng 8 năm 2017).

- *Người bị kiện*: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh (có

đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Ông Võ Xuân T3 (có mặt)
- Ông Trần Quang K (có mặt)

2/ Ông Ngô Văn H2, sinh năm 1936 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 21, Ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn L3, sinh năm 1945 (có mặt)

Địa chỉ: Số 08 tổ 15 ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 21-8-2018.

3/ Ông Dương Văn T4, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 01 Ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Nguyễn Thị L, ông Bồ Minh T, bà Bồ Kim T1, ông Bồ Đức T2

DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 7 năm 2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện – bà Lê Thị D trình bày:

Ngày 13-10-1995 Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) Huyện D ban hành Quyết định số 234/QĐ-UB (sau đây gọi tắt là Quyết định số 234) có nội dung giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Ngô Văn H2 và các hộ dân, trong đó có nội dung công nhận quyền sử dụng đất cho ông Bồ Văn T5 với phần đất diện tích 572 m^2. Sau đó, ông H2 không đồng ý với Quyết định số 234 nên có đơn khiếu nại. Ngày 06-9-1999, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 241/QĐ.CT có nội dung giữ nguyên Quyết định số 234. Ngày 19-4-2006, ông T5 được UBND Huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây gọi tắt là GCNQSDĐ) đối với phần đất diện tích 560 m^2. Ngày 10-9-2015 ông Bồ Văn T5 chết, ông T5 có vợ là bà Nguyễn Thị L, 04 người con là ông Bồ Minh T, bà Bồ Kim T1, ông Bồ Đức T2 và bà Bồ Thị Thu T6.

Đến ngày 03-5-2017, Chủ tịch UBND Huyện D ban hành Quyết định số 1894/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thi hành Quyết định số 241. Trong quá trình thực hiện việc cưỡng chế, bà L (vợ ông T5) và các con của ông T5 chỉ nhận được phần đất diện tích 528,4 m^2.

Nay, bà L, ông T, bà T1, ông T2 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Chủ tịch UBND Huyện D thực hiện hành vi cưỡng chế đúng theo Quyết định số 241 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh.

Theo Văn bản số 1022/UBND ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Chủ tịch

UBND Huyện D có nội dung:

Quyết định số 241 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh là quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật. Phần diện tích đất được giải quyết tranh chấp và công nhận cho ông Bồ Văn T5 thuộc thửa số 807, tờ bản đồ số 04, bản đồ 299 tọa lạc tại Ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, trong Quyết định số 241 không ghi rõ các chủ sử dụng đất tứ cận và kích thước. Thửa đất trên đã được đo đạc, chỉnh lý chuyển sang bản đồ địa chính chính quy năm 2010 là thửa đất số 273, tờ bản đồ số 17, diện tích 528,4 m^2.

Về nguyên nhân diện tích đất giao cho vợ của ông T5 là bà L và các con của ông T5 giảm so với diện tích ghi trong Quyết định số 241/QĐ-CT là do vị trí giao cho ông T5 ngoài thực địa là đúng với vị trí đất theo Quyết định số 241/QĐ-CT; diện tích giảm 31,6 m^2 là do ranh giới thửa đất thực địa có thay đổi so với bản đồ 299, tại hướng Nam đất giáp với đất ông T4 hiện đang sử dụng, ông T4 đã sử dụng ổn định từ năm 1980, có ranh giới rõ ràng.

Từ những cơ sở nêu trên, Chủ tịch UBND Huyện D đã tổ chức thực hiện Quyết định số 241 và giao đất cho bà L và các con của ông T5 là diện tích đất theo hiện trạng. Do đó, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà L, ông T, bà T1, ông T2.

Tại Văn bản số 280/UBND-TD ngày 31-01-2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh có nội dung:

Năm 1993, ông Ngô Văn H2 phát sinh tranh chấp với 04 hộ là ông Lê Văn Sua, ông Bồ Văn T5, ông Thái Công Danh và ông Hồ Văn Thành.

Ngày 13-10-1995 Chủ tịch UBND Huyện D ban hành Quyết định số 234 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông H2 và 04 hộ dân trên, trong đó giữ nguyên hiện trạng đất cho ông T5 diện tích 572 m^2, thửa 1191, tờ bản đồ số 4.

Sau khi nhận được Quyết định số 234 ông H2 có đơn khiếu nại. Ngày 06-9-1999 Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 241 với nội dung công nhận Quyết định số 234, bác đơn khiếu nại của ông H2, giữ nguyên hiện trạng đất cho ông T5 diện tích 560 m^2, thửa 808, tờ bản đồ số 4. Sau đó, ông H2 tiếp tục có đơn khiếu nại. Vụ việc khiếu nại của ông H2 đã được đưa vào kế hoạch kiểm tra, rà soát các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, tồn đọng, kéo dài trên địa bàn tỉnh Tây Ninh theo Kế hoạch số 2100/KH-TTCP ngày 19-9-2013 của Thanh tra Chính phủ. Đoàn kiểm tra xét thấy Quyết định số 241 đã được giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

Ngày 25-9-2915, UBND tỉnh Tây Ninh có Thông báo số 2820/TB-UBND về việc chấm dứt giải quyết khiếu nại đối với ông Ngô Văn H2, yêu cầu ông H2 chấp hành Quyết định số 241.

Ngày 03-5-2017, Chủ tịch UBND Huyện D ban hành Quyết định số 1894 về việc cưỡng chế thi hành Quyết định số 241.

Hiện nay, thửa đất trên đã được đo đạc, chỉnh lý chuyển sang bản đồ địa chính chính quy năm 2010 là thửa đất số 273, tờ bản đồ số 17, diện tích là 528,4

m^2. Do đó, diện tích giao cho bà L và các con của ông T5 theo biên bản giao nhận thực địa ngày 21-6-2017 là 528,4 m^2 là đúng với vị trí thửa đất theo Quyết định số 241/QĐ-CT (không thay đổi ranh giới, hiện trạng). Quan điểm của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh là giữ nguyên Quyết định số 241.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Văn H2 – ông Trần Văn L3 trình bày:

Phần diện tích đất tranh chấp giữa ông H2 và ông T5 đã được giải quyết xong, việc giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh là đúng theo quy định của pháp luật, đúng diện tích đất tranh chấp. Việc Chủ tịch UBND Huyện D cưỡng chế buộc ông H2 giao đất cho bà L (vợ ông T5) và các con của ông T5 thì ông H2 không có ý kiến cũng như không có khiếu nại về vấn đề này. Ông H2 đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà L, ông T, bà T1, ông T2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Dương Văn T4 trình bày:

Phần đất ông đang quản lý sử dụng là do mẹ ông nhận chuyển nhượng từ mẹ của ông Ngô Văn H2 vào khoảng năm 1978-1979. Sau đó, đến năm 1980, mẹ ông để lại cho ông sử dụng phần diện tích đất trên, ông sử dụng liên tục cho đến nay không có thay đổi về tứ cận, trên đất có trồng hoa màu. Hiện nay, do các hộ ông T5 và ông H2 có tranh chấp đất nên đất ông ở giáp ranh vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại bản án hành chính sơ thẩm 25/2018/HC-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ khoản 59 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, ông Bồ Minh T, bà Bồ Kim T1, ông Bồ Đức T2 đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện D về việc khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/12/2018 người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa cấp phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo các ông bà Nguyễn Thị L, Bồ Minh T, Bồ Đức T2, Bồ Kim T1 nêu đã được nộp trong quá trình giải quyết vụ

án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Nay bà không nộp bổ sung thêm chứng cứ gì mới, nhưng các người khởi kiện cho rằng Tòa cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ một cách không đúng nên dẫn đến việc phán quyết không chấp nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện là sai, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp họ.

Phần tranh luận:

Người đại diện theo ủy quyền của các ông bà Nguyễn Thị L, Bồ Minh T, Bồ Đức T2, Bồ Kim T1 trình bày: Bảo lưu các ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm và nêu lại tại đơn kháng cáo nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của những người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại cấp phúc thẩm trình bày: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của những người khởi kiện, đề nghị nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác kháng cáo của những người khởi kiện giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo qui định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Xét về nội dung vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng để phán xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đúng pháp luật. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 03-5-2017, Chủ tịch UBND Huyện D ban hành Quyết định số 1894 về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định số 241 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh, theo đó Quyết định số 241 giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất cho ông Bồ Văn T5 với diện tích 560 m^2. Tại biên bản giao nhận thực địa ngày 21-6-2017, Ban cưỡng chế giao nhận thực địa cho đại diện gia đình ông T5 là ông Bồ

Đức T2 phần đất diện tích 528,4 m^2. Ngày 19-7-2017 bà Nguyễn Thị L, ông Bồ Đức T2, bà Bồ Kim T1, ông Bồ Minh T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh yêu cầu Tòa án buộc Chủ tịch UBND Huyện D thực hiện việc cưỡng chế theo đúng Quyết định số 241.

[2.2] Người bị kiện không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các ông bà Nguyễn Thị L, Bồ Minh T, Bồ Đức T2, Bồ Kim T1 và trình bày: Quyết định số 241 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh là quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật. Phần diện tích đất được giải quyết tranh chấp và công nhận cho ông Bồ Văn T5 thuộc thửa số 807, tờ bản đồ số 04, bản đồ 299 tọa lạc tại Ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, trong Quyết định số 241 không ghi rõ các chủ sử dụng đất tứ cận và kích thước. Thửa đất trên đã được đo đạc, chỉnh lý chuyển sang bản đồ địa chính chính quy năm 2010 là thửa đất số 273, tờ bản đồ số 17, diện tích 528,4 m^2.

Về nguyên nhân diện tích đất giao cho vợ của ông T5 là bà L và các con của ông T5 giảm so với diện tích ghi trong Quyết định số 241/QĐ-CT là do vị trí giao cho ông T5 ngoài thực địa là đúng với vị trí đất theo Quyết định số 241/QĐ-CT; diện tích giảm 31,6 m^2 là do ranh giới thửa đất thực địa có thay đổi so với bản đồ 299, tại hướng Nam đất giáp với đất ông T4 hiện đang sử dụng, ông T4 đã sử dụng ổn định từ năm 1980, có ranh giới rõ ràng.

Từ những cơ sở nêu trên, Chủ tịch UBND Huyện D đã tổ chức thực hiện Quyết định số 241 và giao đất cho bà L và các con của ông T5 là diện tích đất theo hiện trạng. Do đó, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà L, ông T, bà T1, ông T2.

[3] Trên cơ sở các chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định :

Ngày 13-10-1995 Chủ tịch UBND Huyện D ban hành Quyết định số 234 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông H2 và 04 hộ dân, trong đó giữ nguyên hiện trạng đất cho ông T5 diện tích 572 m^2, thửa 1191, tờ bản đồ số 4; không ghi tứ cận. Sau khi nhận được Quyết định số 234 thì ông H2 có đơn khiếu nại. Ngày 06-9-1999 Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 241 với nội dung công nhận Quyết định số 234, bác đơn khiếu nại của ông H2, tuy nhiên giữ nguyên hiện trạng đất cho ông T5 với diện tích 560 m^2, thửa 807, tờ bản đồ số 4. Theo Quyết định số 241 diện tích đất của ông T5 giảm trong so với Quyết định số 234 là 12 m^2. Theo sơ đồ đất ngày 06-11-1998 thì đất của ông T5 thuộc thửa 807, diện tích 560 m^2. Ngày 19-4-2006, ông T5 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 560 m^2 trên. Theo biên bản giao nhận thực địa ngày 21-6-2017 thì đại diện hộ gia đình ông T5 nhận diện tích 528,4 m^2; giảm 31,6 m^2 so với Quyết định số 241. Xét thấy, qua 02 lần giải quyết khiếu nại và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T5 đều không thực hiện việc đo đạc theo hiện trạng, không ghi rõ chiều ngang, chiều dài của phần đất ông H2 và ông T5 đang tranh chấp mà chỉ căn cứ vào sơ đồ đất. Hiện nay, theo trích lục bản đồ địa chính số 4236/TL-ĐC ngày 09 -11-2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh chi nhánh Huyện D thì thửa đất trên

đã được đo đạc, chỉnh lý chuyển sang bản đồ địa chính chính quy năm 2010 là thửa đất số 273, tờ bản đồ số 17, có diện tích là 528,4 m^2.

Căn cứ biên bản làm việc ngày 13-11-1998, ông T5 cho rằng đất ông tranh chấp với ông H2 có nguồn gốc là đất bờ bao ấp chiến lược, do gia đình ông khai phá vào năm 1972, diện tích đang sử dụng khoảng 500 m^2 và không nêu rõ tứ cận. Theo biên bản đối thoại ngày 23-6-2015 thì phần đất ông H2 tranh chấp hộ ông Lê Văn Sua, ông Bồ Văn T5, ông Thái Công Danh có tổng chiều ngang là 82 m; các ông Sua, ông T5, ông Danh đồng ý trả cho ông H2 lại 30 m; đồng ý chia đều phần đất còn lại cho 03 người với tổng chiều ngang là 52 m.

Ngoài ra, căn cứ theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04-10-2018, thì phần đất đại diện gia đình ông T5 đã được cưỡng chế giao có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp đất ông Ngô Văn H2, ông Dương Văn T4.

+ Phía Tây giáp đường đất.

+ Phía Nam giáp đất ông Thái Công D1.

+ Phía Bắc giáp đất ông Lê Văn S.

Về tứ cận phần đất gia đình ông T5 được cưỡng chế giao và phần đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông T5 được cấp là không có thay đổi ranh. Thực tế một phần diện tích đất thuộc thửa 807, tờ bản đồ số 4 là do ông Dương Văn T4 sử dụng từ năm 1980. Đối với thửa đất được giao thì từ khi xảy ra tranh chấp (trước năm 1995), ông T5 không là người quản lý sử dụng.

[4] Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận định:

Căn cứ các chứng cứ được đánh giá nêu trên Tòa cấp sơ thẩm nhận định, diện tích giao cho đại diện gia đình ông T5 theo biên bản giao nhận thực địa ngày 21-6-2017 là 528,4 m^2 là đúng về ranh giới và vị trí thửa đất theo Quyết định số 241. Bà L, ông T2, bà T1, ông T khởi kiện yêu cầu Chủ tịch UBND Huyện D thực hiện giao đúng phần đất diện tích 560 m^2 theo đúng Quyết định số 241 nhưng lại không đưa ra chứng cứ chứng minh cho việc hộ gia đình bị giao thiếu đất là do phần đất thiếu đang thuộc ai quản lý sử dụng. Căn cứ chứng cứ các bên đương sự cung cấp và trình bày, tòa cấp sơ thẩm xác định nguyên nhân thiếu đất theo lời trình bày của người bị kiện và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, để bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ đúng pháp luật. Tuy nhiên, khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm nhận định thực tế giao đất theo ranh bản đồ thì diện tích đất 528,4m^2. Xác định sự chênh lệch diện tích so với quyết định nguyên nhân là do sai số bản đồ đo đạc.

Hội đồng xét xử Tòa án cấp phúc thẩm nhận định bổ sung như sau: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện với lý do các quyết định số 234 của Chủ tịch UBND Huyện D, quyết định số 241 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh có sai về diện tích đất là do đo đạc bản đồ và xác định diện tích đất trên thực tế đo đạc là là đúng. Điều này đồng nghĩa với việc khi phát hiện ra một phần quyết định hành chính không bị kiện nhưng

có sai mà không tuyên bố hủy một phần quyết định là thiếu sót. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bổ sung nội dung hủy một phần các quyết định số 234 của Chủ tịch UBND Huyện D, quyết định số 241 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh yêu cầu cơ quan có thẩm quyền ban hành các quyết định lại theo đúng với diện tích đất theo biên bản bàn giao thực tế đất.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ khách quan, phán xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông bà Nguyễn Thị L, Bồ Minh T, Bồ Đức T2, Bồ Kim T1 là có căn cứ đúng pháp luật. Những người khởi kiện kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng không nêu ra chứng cứ nào khác với các chứng cứ đã nêu tại cấp sơ thẩm. Do vậy Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các ông bà Nguyễn Thị L, Bồ Minh T, Bồ Đức T2, Bồ Kim T1 giữ nguyên bản án sơ thẩm như phần đề nghị của vị kiểm sát viên tại phiên tòa cấp phúc thẩm, đồng thời bổ sung nội dung hủy một phần các quyết định hành chính cá biệt.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính,

I/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị L, ông Bồ Minh T, bà Bồ Kim T1, ông Bồ Đức T2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ khoản 59 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, ông Bồ Minh T, bà Bồ Kim T1, ông Bồ Đức T2 đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện D về việc khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II/ Hủy một phần quyết định số 234/QĐ-UB ngày 13/10/1995 của Uỷ ban nhân dân Huyện D, quyết định số 241/QĐ-CT ngày 06/9/1999 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về nội dung liên quan đến diện tích của ông Bồ Văn

T5 tại thửa số 807, tờ bản đồ số 4, bản đồ 299 tọa lạc tại Ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh để ban hành lại quyết định theo đúng với diện tích thực tế đo đạc.

III/ Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L, ông Bồ Minh T, bà Bồ Kim T1, ông Bồ Đức T2 mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Khấu trừ tạm ứng án phí đương sự đã nộp theo các biên lai thu số 0000355, 0000356, 0000357, 0000358 cùng ngày 16/10/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- NKK (4);
- NBK (1);
- NLQ (3);
- Lưu (10) 23b (Án39).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên